TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu.

2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2022/TLST–HNGĐ ngày 23/5/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Vào năm 2012, bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 22/10/2002 và Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012 hiện nay đang sống chung với bà.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng gần đây do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân không tồn tại được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- *Về con chung:* Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu T với 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 22/10/2002 hiện nay đã trưởng thành, sống tự lập và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông C không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Cương.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn C kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và được UBND xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà U , và Cương là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Trong quá trình sống chung cũng có thời gian dài hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Quan hệ hôn nhân của bà U và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được nên việc bà Nguyễn Thị U yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: cháu Nguyễn Ngọc S sinh ngày 22/10/2002 đã trưởng thành tự lao động được nên bà U không yêu cầu giải quyết, riêng đối với cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012, bà Nguyễn Thị U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng sống với bà U , do đó để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu T thì tiếp tục giao cháu T cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết cho sự phát triển của cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà U yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 745.000 đồng, xét thấy căn cứ quy định Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành

niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con", nên việc bà U yêu cầu ông C cấp dưỡng để nuôi cháu T là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những căn cứ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83,110 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Văn C theo quy định. Về con chung: cháu Nguyễn Ngọc S sinh ngày 22/10/2002 đã trưởng thành không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, riêng cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T sinh ngày 04/9/2012 giao cho bà Nguyễn Thị U tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 745.000 đồng đến khi thành niên và lao động được. Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nôm, giáo dục con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị U thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng đồng vì 1.000.000 đồng/tháng như đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông C chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà U và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ năm 2015 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà U và ông C sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Ông C cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phương.

[2.2] Về con chung: Bà U và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 22/10/2002 và Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012, hiện nay đang sống chung với bà U. Xét thấy, Nguyễn Ngọc S sinh ngày 22/10/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không đặt ra xem xét, riêng cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012 hiện đang sống với bà U và có cuộc sống tốt. Cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, riêng ông C thì không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Nay bà Út có yêu cầu nuôi con và đủ thu nhập để nuôi cháu T nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của các cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U về việc giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà U yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con với mức 745.000 đồng/tháng (mức thấp nhất theo quy định). Ông Nguyễn Văn C là cha nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà U .

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; khoản 1 Điều 244; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 22/10/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Giao cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04/9/2012 cho bà Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T với mức 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con nêu trên được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị U phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003843 ngày 23/5/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn C phải chịu là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa